

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH AN GIANG

Bản án số: 77/2019/HNGĐ-ST

Ngày 05/9/2019

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Phương Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu Tấn

Bà Lê Thị Thanh Vân

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 813/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989;

Địa chỉ: 16/2, khóm Thới Thạnh, phường Mỹ T, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1985;

Địa chỉ: 16/2, khóm Thới Thạnh, phường Mỹ T, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Vắng mặt. (Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/12/2018)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh L do mai mối, tìm hiểu nhau trước, cả hai đã tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ T vào ngày 30/9/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và tính tình không hợp nhau nên mâu thuẫn gia đình kéo dài, hai vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị L yêu cầu ly hôn với anh L.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thành Nhân Ái, sinh ngày 09/8/2008. Khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thành L vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 27/12/2018, anh L trình bày:

Về hôn nhân: Anh L và chị L do mai mối đã tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ T vào ngày 30/9/2008, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và tính tình không phù hợp nên mâu thuẫn gia đình kéo dài nay qua yêu cầu ly hôn của chị L thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thành Nhân Ái, sinh ngày 09/8/2008. Khi ly hôn anh đồng ý theo nguyện vọng của con. Nếu sống chung với chị L thì anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay anh đang chấp hành án tại trại giam Định Thành nên anh có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh L. Về con chung: Chị L xin được nuôi cháu Nguyễn Thành Nhân

Ái, sinh ngày 09/8/2008 và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn anh Nguyễn Thành L có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa chị L và anh L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Anh Nguyễn Thành L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên nên chị Nguyễn Thị L khởi kiện xin ly hôn với anh L là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn anh Nguyễn Thành L đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng trong suốt quá trình Toa án giải quyết vụ án và anh L có đơn xin vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thành L.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L với anh Nguyễn Thành L là hôn nhân tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang ngày 30/9/2008 là phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 đây là hôn nhân hợp pháp nên được công nhận. Trong quá trình chung sống, chị L cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường hay cự cãi, bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nhau và hiện nay anh L đang chấp hành án tại Trại giam Định Thành, nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L.

Sau khi xem xét xem xét ý kiến của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng ông bà có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được, thể hiện qua việc vợ chồng đã không còn sống chung trước khi anh L đi chấp hành án và tại bản tự khai ngày 27/12/2018, anh L cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L, điều này thể hiện tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này sẽ gây ảnh hưởng không tốt đến

cuộc sống của cả hai. Do đó, việc chị L xin ly hôn với anh L là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị L và anh L có một con chung tên Nguyễn Thành Nhân Ái, sinh ngày 09/8/2008. Hiện cháu Ái đang sống với anh L nhưng cháu Ái có nguyện vọng được sống với chị L. Do anh L đang chấp hành án nên không có điều kiện để chăm sóc con chung nên chị L yêu cầu được nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của cháu Ái và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận. Bên cạnh được quyền nuôi con thì chị L cùng các thành viên gia đình chị L không được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị L không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh L trình bày là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thành L được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 51; Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thành L.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành Nhân Ái, sinh ngày 09/8/2008 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L cùng các thành viên gia đình của chị L không được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chưa giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu số 0010680 ngày 05/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Thành L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- THA TPLX;
- VKS TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- UBND phường Mỹ Thạnh;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Phương Quyền